

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Công nghệ thực phẩm; Chuyên ngành: Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Mai Thị Tuyết Nga

2. Ngày tháng năm sinh: 23/12/1971; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: (Nơi sinh của cha) xã Vĩnh Trung, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Lô số 8, Khu B2 QH nhà ở nhà máy Z753; tức 33/6 Nguyễn Lộ Trạch (D4), phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

6. Địa chỉ liên hệ: 33/6 Nguyễn Lộ Trạch (D4), phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0914074318; E-mail: ngamtt@ntu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 01/1996 đến tháng 12/1997: Giảng viên tập sự tại Bộ môn Công nghệ Chế biến, Khoa Chế biến, Trường Đại học Thủy sản (nay là Trường Đại học Nha Trang).
- Từ tháng 01/1998 đến tháng 01/1999: Giảng viên (hợp đồng) Khoa Chế biến, Trường Đại học Thủy sản.
- Từ tháng 01/1999 đến tháng 01/2002: Giảng viên (biên chế) Khoa Chế biến, Trường Đại học Thủy sản.

- Từ tháng 02/2002 đến tháng 12/2007: Giảng viên, Phó Trưởng Bộ môn Công nghệ Thực phẩm, Khoa Chế biến, Trường Đại học Thủy sản.
- Từ tháng 01/2008 đến tháng 7/2010: Giảng viên, Khoa Chế biến, Trường Đại học Nha Trang. Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Iceland.
- Từ tháng 8/2010 đến tháng 4/2011: Giảng viên, Khoa Chế biến, Trường Đại học Nha Trang.
- Từ tháng 5/2011 đến tháng 10/2011: Giảng viên chính, Phó Trưởng Bộ môn Công nghệ Thực phẩm, Khoa Công nghệ Thực phẩm, Trường Đại học Nha Trang.
- Từ tháng 11/2011 đến tháng 7/2021: Giảng viên chính, Phó Trưởng Khoa Công nghệ Thực phẩm, Trường Đại học Nha Trang.

Chức vụ: Hiện nay: Phó Trưởng Khoa Công nghệ Thực phẩm, Trường Đại học Nha Trang;
Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng Khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Nha Trang

Địa chỉ cơ quan: 2 Nguyễn Đình Chiểu, Nha Trang, Khánh Hoà

Điện thoại cơ quan: 0258.3831149

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 6 năm 1995; số văn bằng: 034381; ngành: Công nghệ chế biến thủy sản, chuyên ngành: Công nghệ chế biến thủy sản; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Thủy sản Kaliningrad cũ (Trường Đại học Kỹ thuật quốc gia Kaliningrad), CHLB Nga.

- Được cấp bằng ThS ngày 30 tháng 6 năm 2000; số văn bằng: 15463; ngành: Công nghệ chế biến thủy sản, chuyên ngành: Công nghệ chế biến thủy sản; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Thủy sản (nay là Trường Đại học Nha Trang), Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 30 tháng 6 năm 2010; số văn bằng:; ngành: Khoa học thực phẩm và dinh dưỡng, chuyên ngành: Khoa học thực phẩm; Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Iceland, Iceland.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Nha Trang

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Hóa học - Công nghệ thực phẩm

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Quản lý chất lượng thực phẩm, thủy sản. Trong đó tập trung vào một số giải pháp quản lý, kỹ thuật nhằm bảo đảm truy xuất nguồn gốc thực phẩm, thủy sản; kéo dài thời gian bảo quản lạnh thủy sản; giám sát chất lượng thực phẩm, thủy sản.
- Đánh giá và dự đoán chất lượng thủy sản bằng phương pháp cảm quan. Trong đó chủ yếu tập trung vào việc phát triển hoặc cải tiến các bảng điểm cảm quan theo phương pháp chỉ số chất lượng (quality index method, QIM) và phương pháp phân tích mô tả định lượng (quantitative descriptive analysis, QDA); ứng dụng các phương pháp cảm quan trong đánh giá chất lượng và dự đoán thời gian bảo quản lạnh thủy sản.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 07 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 02, trong đó có 01 đề tài NCKH cấp cơ sở và 1 ĐT NCKH cấp Nhà nước;
- Đã công bố 25 bài báo khoa học, trong đó 09 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 02, trong đó thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục” theo Quyết định số 1854/QĐ-BGDĐT ngày 03/06/2015 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Có nhiều đóng góp cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo của đất nước.
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở các năm học 2014-2015, 2015-2016, 2016-2017, 2017-2018, 2018-2019. Giảng viên giảng dạy tiêu biểu cấp trường các năm học 2017-2018 và 2019-2020.
- Chiến sĩ thi đua cấp Bộ theo Quyết định số 568/QĐ-BGDĐT ngày 01/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Thành tích tiêu biểu xuất sắc trong công tác từ năm học 2017-2018 đến năm học 2019-2020.
- Bằng khen số 2604/QĐ-BGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v Đã có thành tích xuất sắc thực hiện cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” giai đoạn 2007-2012.
- Bằng khen số 128/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Ban Chấp hành Công đoàn Giáo dục Việt Nam v/v Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động Công đoàn năm học 2012-2013.
- Bằng khen theo Quyết định số 983/QĐ-TLĐ ngày 06/8/2014 của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh năm học 2013-2014.

- Giấy khen số 1362/QĐ-ĐHNT ngày 19/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang vv Có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển Nhà trường trong năm học 2017-2018.

- Bằng khen cấp Bộ số 4389/QĐ-BGDĐT ngày 14/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo vv Đã có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong năm học 2018-2019.

- Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 17/6/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc khen thưởng tổng kết phong trào thi đua yêu nước 05 năm, giai đoạn 2016-2020.

- Giấy khen số 1207/QĐ-ĐHNT ngày 02/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về Gương điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2016-2020.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Có đủ tiêu chuẩn của nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục:

- Phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt.

- Đạt trình độ chuẩn, đã được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ.

- Đã hoàn thành khoá bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đại học: Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm đại học số 0008241 do Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng cấp ngày 20/7/2016.

- Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính (hạng II): Chứng chỉ theo Quyết định số 838-1521/QĐ-HVQLGD của Học viện Quản lý Giáo dục ngày 18/12/2017.

- Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên cao cấp (hạng I): Chứng chỉ số 0006487 của Trường Đại học Cần Thơ ngày 21/11/2019.

- Nhiệm vụ: Giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của nhà giáo.

- Mức độ hoàn thành nhiệm vụ: Liên tục hoàn thành vượt định mức được giao, liên tục đạt danh hiệu lao động tiên tiến trở lên, trong đó có 05 năm đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở (từ năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019), năm học 2019-2020 đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp Bộ. Đạt danh hiệu giảng viên giảng dạy tiêu biểu cấp trường các năm học 2017-2018 và 2019-2020.

- Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

- Lý lịch bản thân rõ ràng.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 20 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2015-2016				3	159,5	45	204,5/292,26/202,5
2	2016-2017				5	130	60	190/412,13/202,5
3	2017-2018			1	2	147	30	177/334,15/203
03 năm học cuối								
4	2018-2019				10	111	30	141/353,7/203
5	2019-2020				6	80	105	185/461,45/203
6	2020-2021			2		270		270/433,5/161

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước: CHLB Nga Từ năm 1990 đến năm 1995

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc SKH ; tại nước: Iceland năm 2010

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

+ Tham gia giảng dạy bằng tiếng Anh lớp bồi dưỡng chuyên môn cho các giảng viên của trường Đại học Udon Thani, Thái Lan trong khuôn khổ hợp tác giữa hai trường được tổ chức tại Trường Đại học Nha Trang từ 13/3/2012-31/3/2012 với bài giảng về “Xử lý nhiệt/Heat treatment” và một phần bài giảng về “Đánh giá cảm quan/Sensory evaluation”.

+ Tham gia giảng dạy bằng tiếng Anh cho Khóa đào tạo của ASEAN về Công nghệ sau thu hoạch trong nuôi trồng thủy sản /ASEAN Training course on Post-Harvest Technologies in Aquaculture Fisheries do Vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phối hợp với Ban Thư ký ASEAN tổ chức tại Cần Thơ (02/3/2014-15/3/2014) với nội dung bài giảng: “*Biến đổi chất lượng của cá và ngăn ngừa biến đổi chất lượng cá sau thu hoạch/Fish deterioration and prevention of fish deterioration after harvesting*”.

+ Tham gia giảng dạy bằng tiếng Anh cho Khóa đào tạo của ASEAN về Phát triển chuỗi giá trị thực phẩm an toàn (ASEAN Training course on Development of Safe Food Value Chain) do Vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phối hợp với Ban Thư ký ASEAN tổ chức tại Đà Lạt, Lâm Đồng (08/5/2016-21/5/2016) với nội dung bài giảng: “*Chuỗi giá trị thủy sản: Từ ao nuôi đến bàn ăn - Cá tra*” và “*Chuỗi giá trị thủy sản: Từ ao nuôi đến bàn ăn - Tôm*”.

+ Tham gia tổ chức và giảng dạy bằng tiếng Anh cho Khóa đào tạo khu vực đầu tiên về khai thác tiềm năng của ngành thủy sản để phát triển kinh tế ở các nước kém phát triển/First Regional Training Course on Harnessing the Potential of the Fisheries Sector for Economic Development in Least Developed Countries do UNCTAD (Tổ chức Hội nghị Liên Hiệp Quốc về Thương mại và Phát triển) tổ chức tại Nha Trang (29/10/2018-09/11/2018) với nội dung bài giảng “*Các yếu tố ảnh hưởng đến thời hạn bảo quản của thủy sản tươi/Factors influencing shelf life of fresh aquatic species*” thuộc hợp phần “*Công nghệ chế biến thủy sản và an toàn thực phẩm thủy sản để đa dạng hóa xuất khẩu và phát triển bền vững của các nước đang phát triển ở Châu Phi và Châu Á/Seafood technology and safety for export diversification and sustainable development of developing countries in Africa and Asia*”.

+ Giảng dạy bằng tiếng Anh các học phần *Đánh giá cảm quan/Sensory science* và *Kỹ thuật chế biến sản phẩm thủy sản/Aquatic raw material handling and processing technology* cho học viên khoá 1 của chương trình Cao học Công nghệ thực phẩm tiếng Anh/MSc Programme in Food Technology do Trường Đại học Cần Thơ tổ chức từ 13/01/2019-26/01/2019 và 27/7/2019-04/8/2019.

+ Giảng dạy cao học quốc tế ngành Công nghệ thực phẩm bằng tiếng Anh các học phần *Khoa học về cảm quan/Sensory science* và *Kỹ thuật chế biến sản phẩm thủy sản/Aquatic raw material handling and processing technology* cho lớp cao học CHVLIR2018 khoá 2018-2020 của Trường Đại học Nha Trang.

+ Giảng dạy bằng tiếng Anh học phần *Khoa học về cảm quan/Sensory science* cho Lớp Thạc sĩ Công nghệ thực phẩm chương trình VLIR do Trường Đại học Huế tổ chức từ 19/01/2021-21/01/2021.

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Cử nhân cao đẳng tiếng Anh (hệ chuyên tu) do Trường Cao đẳng sư phạm Nha Trang cấp năm 1997, IELTS 6.5

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1.	Đỗ Thị Lan		X	X		17/5/2013- 15/11/2013	Trường Đại học Nha Trang	Quyết định số 1230/QĐ- ĐHNT, ngày 30/12/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang
2.	Trần Thị Thu Lệ		X	X		20/12/2013- 01/11/2014	Trường Đại học Nha Trang	Quyết định số 1230/QĐ- ĐHNT, ngày 30/12/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang
3.	Huỳnh Thị Ái Vân		X	X		13/02/2015 -05/10/2015	Trường Đại học Nha Trang	Quyết định số 1230/QĐ- ĐHNT, ngày 30/12/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang
4.	Võ Thị Kim Hạnh		X	X		26/3/2015- 05/10/2015	Trường Đại học Nha Trang	Bằng thạc sĩ cấp ngày 14/7/2016
5.	Nguyễn Thụy Vân Duyên		X	X		05/5/2016- 03/10/2016	Trường Đại học Nha Trang	Bằng thạc sĩ cấp ngày 29/9/2017
6.	Lê Thiên Sa		X	X		03/3/2020- 17/8/2020	Trường Đại học Nha Trang	Quyết định số 1189/QĐ- ĐHNT, ngày 29/9/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang
7.	Akin Yinka Olanrewaju		X	X		03/3/2020- 17/8/2020	Trường Đại học Nha Trang	Quyết định số 1189/QĐ- ĐHNT, ngày 29/9/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được cấp bằng TS						
1							
II	Sau khi được cấp bằng TS						
1	Truy xuất nguồn gốc thủy sản	GT	Nhà xuất bản Nông nghiệp năm 2016 ISBN: 978-604-60-2247-3	3	X	Chương 1 (trang 19-47), Chương 3-12 (trang 67-251)	Giấy xác nhận số 305/GXN-ĐHNT, ngày 20/4/2016 của Trường Đại học Nha Trang
2	Đánh giá và dự đoán chất lượng thủy sản bằng phương pháp cảm quan	CK	Nhà xuất bản Nông nghiệp năm 2021 ISBN: 978-604-60-3334-9	3	X	Mục 2.3.3 và 2.4 Chương 2 (trang 37-41), Chương 3 (trang 42-59), Mục 4.1-4.7 Chương 4 (trang 60-132) Làm nội dung bìa; viết lời mở đầu; làm mục lục, danh mục bảng, danh mục hình và danh mục tài liệu tham khảo	Giấy xác nhận số 329/GXN-ĐHNT, ngày 10/5/2021 của Trường Đại học Nha Trang

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được cấp bằng tiến sĩ				
1.					
II	Sau khi được cấp bằng tiến sĩ				
1.	Ứng dụng thang điểm chỉ số chất lượng QIM trong nghiên cứu và đào tạo ngành công nghệ thực phẩm và công nghệ chế biến thủy sản	CN	TR2012-13-24, cấp Trường	10/2012-10/2013	Ngày 28/11/2013/Xếp loại: Tốt
2.	Nhiệm vụ hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ theo Nghị định thư với Trung Quốc “Hợp tác nghiên cứu, thiết kế và chế tạo hệ thống giám sát sử dụng mạng cảm biến không dây trong kiểm soát chất lượng và tiết kiệm năng lượng cho chuỗi hậu cần thủy sản lạnh”	CN	08/2014/HĐ-NĐT, cấp Nhà nước	7/2014-6/2017	Ngày 07/10/2017/Xếp loại: B

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được cấp bằng tiến sĩ							
	Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế							
1.	Evaluation of a seafood firm traceability	4	X	Journal of Food, Agriculture & Environment, Print	Scopus (2007-2017)	5	8, 2, 51-59	2010

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	system based on process mapping information - More efficient use of recorded data			ISSN:1459-0255, Online ISSN:1459-0263	Q3 Food Science 2008-2017, H_index = 34, https://www.scimagojr.com/			
Bài báo đăng trên tạp chí trong nước								
2.	Đánh giá độ tươi và dự đoán thời gian bảo quản của cá trích trong nước đá bằng thang điểm cảm quan torry và phương pháp phân tích mô tả định lượng	4	X	Tạp chí Khoa học Công nghệ Thủy sản, ISSN 1859-2252			02, 53-58	2007
II	Sau khi được cấp bằng tiến sĩ							
Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế								
3.	Benefits of traceability in fish supply chains - case studies	5	X	British Food Journal, ISSN: 0007-070X	ISI (SCIE) IF = 2.518 Food Science 2020 Q2 Food Science 2010, 2020, H_index = 80, https://www.scimagojr.com/	131	112, 9, 976 – 1002 (Published 7 September 2010)	2010
4.	Performance of a photochromic time–temperature indicator under simulated fresh fish supply chain conditions	8	X	International Journal of Food Science & Technology, Online ISSN:1365-2621	ISI (SCIE), IF = 3.713 Food Science & Technology 2020 Q1 Food Science 2004, 2007-2020, H_index = 96, https://www.scimagojr.com/	26	46, 2, 297-304	2011

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
5.	Continuous quality and shelf life monitoring of retail-packed fresh cod loins in comparison with conventional methods	10	X	Food Control, ISSN: 0956-7135	ISI (SCIE), IF = 5.548 Food Science & Technology 2020 Q1 Food Science 2005-2020, H_index = 125, https://www.scimagojr.com/	36	22, 6, 1000-1007	2011
6.	Temperature Mapping of Fresh Fish Supply Chains – Air and Sea Transport	6	X	Journal of Food Process Engineering ISSN: 01458876, 17454530	ISI (SCIE), IF = 2.356 Food Science & Technology 2020 Q2 Food Science 2002-2010 và 2012-2020, Q3 Food Science 2011-2012, H_index = 45, https://www.scimagojr.com/	24	35, 622-656	2012
7.	Kinetics of quality changes of Pangasius fillets at stable and dynamic temperatures, simulating downstream cold chain conditions	2	X	Journal of Food Quality	ISI (SCIE), IF = 2.45 Food Science & Technology 2020 Q2 Food Science 2007-2020, H_index = 43, https://www.scimagojr.com/	6	Volume 2017, Article ID 2865185, 9 pages	2017
8.	Survival prediction system for waterless live Chinese Sturgeon transportation based on temperature related glucose changes	5		Journal of Food Process Engineering ISSN: 01458876, 17454530	ISI (SCIE), IF = 2.356 Food Science & Technology 2020 Q2 Food Science 2002-2010 và 2012-2020, Q3 Food Science 2011-2012, H_index = 45, https://www.scimagojr.com/	3	41, 2, e12646, 11 pages	2017
9.	Development and evaluation of key ambient factors online	5		Computers and Electronics in Agriculture	ISI (SCIE), IF = 5.565 Agriculture, Multidisciplinary 2020	2	145, 43-52	2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	monitoring system in live <i>Urechis uncinatus</i> transportation strategies			ISSN: 0168-1699	Q1 2008-2020, H_index = 115, https://www.scimagojr.com/			
10.	Modification of quality index method scheme for Nile tilapia fillets and application in quality assessment of the product stored at low temperatures	2	X	Pertanika Journal of Science & Technology, ISSN: 0128-7680, e-ISSN: 2231-8526	ESCI Scopus, https://www.scopus.com/ Q4 2014-2020, H_index = 15, https://www.scimagojr.com/		27, S1, 137-147	2019
11.	Quality index method for freshness assessment of chilled Japanese flying squid (<i>Todarodes pacificus</i>)	1	X	Asian Food Science Journal, ISSN: 2581-7752			20(6): 110-121	2021
Bài báo đăng trên tạp chí trong nước								
12.	Xây dựng các thuộc tính cảm quan của cá bớp nuôi (<i>Rachycentron canadum</i>) cho phân tích mô tả định lượng (QDA)	1	X	Tạp chí Khoa học Công nghệ Thủy sản, ISSN 1859-2252			3, 27-32	2013
13.	Nghiên cứu mật độ Coliform và <i>E.coli</i> trên tôm sú nguyên liệu khi bảo quản ở	1	X	Tạp chí Khoa học Công nghệ Thủy sản, ISSN 1859-2252			4, 91-99	2016

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	nhiệt độ dương thấp							
14.	Study on the counts of coliforms and <i>Escherichia coli</i> in Tra catfish (<i>Pangasius hypophthalmus</i>) fillets during isothermal and non-isothermal temperature conditions, simulating downstream steps of cold supply chains	2	X	Journal of Agricultural Science and Technology- Nong Lam University – HCMC, pISSN: 2615-9503, eISSN: 2615-949X			6, 41-49	2016
15.	Sự biến đổi của lượng coliforms và <i>Escherichia coli</i> gây nhiễm trên cá rô phi khi bảo quản ở nhiệt độ dương thấp	4		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, ISSN: 1859-2333			54, 2, 195-201	2018
16.	Áp dụng phương pháp phân tích mô tả định lượng (QDA) và Torry trong đánh giá chất lượng cảm quan của fillet cá tra (<i>Pangasius hypophthalmus</i>) bảo quản lạnh ở nhiệt độ 1°C và 4°C	2	X	Tạp chí Khoa học Công nghệ Thủy sản, ISSN 1859-2252			2, 46-53	2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
17.	Mật số <i>Pseudomonas</i> spp. và tổng số vi sinh vật hiếu khí trên cá rô phi phi lê khi bảo quản ở nhiệt độ thấp	3		Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam, ISSN 1859-1558			9, 106, 151-157	2019
18.	Nghiên cứu sự phát triển của coliform và <i>Escherichia coli</i> trên phi lê cá rô phi khi bảo quản ở nhiệt độ thấp	3		Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581			12 (Kỳ 2- Tháng 6/2020), 67-72	2020
19.	Thành phần hoá học cơ bản và một số tính chất vật lý của cá ngừ đại dương đánh bắt tại Việt Nam	4	X	Tạp chí Khoa học Công nghệ Thủy sản, ISSN 1859-2252			2, 59-67	2020
20.	Nghiên cứu sự phát triển của mật số vi sinh vật chỉ thị vệ sinh và hàm lượng tổng nitơ bazơ bay hơi trên phi lê cá rô phi trong quá trình bảo quản ở nhiệt độ thấp	3		Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581			7 (Kỳ 1- Tháng 4/2021), 94-100	2021
21.	Thành phần hóa học cơ bản và sự biến đổi của một số chỉ tiêu hóa học và vật lý của cá bớp cắt lát theo thời	1	X	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581			8 (Kỳ 2- Tháng 4/2021), 134-141	2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	gian bảo quản lạnh							
22.	Khảo sát thành phần hoá học và sự hiện diện của vi sinh vật trên phi lê cá rô phi vân (<i>Oreochromis niloticus</i>) cuối quá trình chế biến	2		Tạp chí Khoa học Công nghệ Thủy sản, ISSN 1859-2252			1, 26-35	2021
23.	Xác định các thông số của mô hình động học về sự phát triển của vi sinh vật gây hỏng và chỉ thị vệ sinh trên tôm sú cuối chuỗi cung ứng lạnh	2	X	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581			11/2021 (Kỳ 1- Tháng 6/2021), trang 110-120)	2021
24.	Nghiên cứu thực trạng nhiễm vi sinh vật của nước uống đóng chai tại các cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	2		Tạp chí Công thương, ISSN: 0866-7756			Số 10 (Tháng 5/2021), 82-91	2021
25.	Khảo sát quy trình truy xuất nguồn gốc nội bộ của Masco Nha Trang trong chuỗi cung ứng suất ăn cho đường bay quốc tế từ sân bay Cam Ranh	2		Tạp chí Công thương, ISSN: 0866-7756			Số 10 (Tháng 5/2021), 98-105	2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Bài đăng trên kỷ yếu khoa học quốc tế								
26.	Development of a quality index scheme for sensory evaluation of chill-stored <i>Pangasius hypophthalmus</i> fillets	1	X	Proceedings of International Conference on Food Science and Nutrition 2012 (ICFSN 2012), 2-4 April 2012. Kota Kinabalu, Sabah, Malaysia. ISBN 978-983-2641-90-2, Published in Malaysia by School of Food Science and Nutrition Universiti Malaysia Sabah			819-829	2012
27.	Influence of frozen storage time and thawing methods on the microflora of thawed Nile tilapia fillets	3	X	IOP Conf. Series: Earth and Environmental Science, Online ISSN: 1755-1315, Print ISSN: 1755-1307	Scopus, https://www.scopus.com/ H_index = 26, https://www.scimagojr.com/		414, 012011, 10 pp	2020

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 6 bài, là các bài có số thứ tự [3], [4], [5], [6], [7] và [10].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							

II	Sau khi được công nhận PGS/TS					
1						

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1.	- Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ thạc sĩ Công nghệ chế biến thủy sản (CNCBTS) theo mã cấp IV - Hội đồng xây dựng CTĐT thạc sĩ ngành Công nghệ Sau thu hoạch (CNSTH) và CNCBTS	Tham gia (Thư ký)	- Quyết định số 1120/QĐ-ĐHNT, ngày 06/9/2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang (ĐHNT) - Quyết định số 1564/QĐ-ĐHNT, ngày 13/11/2012 của Hiệu trưởng Trường ĐHNT	Trường ĐHNT	Quyết định số 520/QĐ-ĐHNT, ngày 09/5/2013 về việc ban hành CTĐT thạc sĩ CNCBTS và CNSTH	

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
2.	- Hội đồng xây dựng hồ sơ mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ ngành CNSTH và thạc sĩ ngành Công nghệ thực phẩm (CNTP) năm học 2012-2013 - Hội đồng thẩm định CTĐT trình độ thạc sĩ ngành CNTP	Tham gia (Thư ký)	- Quyết định số 1213/2012/QĐ-ĐHNT, ngày 24/9/2012 của Hiệu trưởng Trường ĐHNT - Quyết định số 550/QĐ-ĐHNT, ngày 17/5/2013 của Hiệu trưởng Trường ĐHNT	Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) Trường ĐHNT	- Quyết định số 2226/QĐ-BGDĐT, ngày 24/6/2013 về việc cho phép Trường ĐHNT đào tạo trình độ thạc sĩ ngành CNTP - Quyết định số 277/QĐ-ĐHNT, ngày 04/04/2016 ban hành CTĐT tiến sĩ	
3.	Hội đồng xây dựng CTĐT trình độ thạc sĩ ngành CNTP, CNCBTS và CNSTH	Tham gia (Thư ký)	Quyết định số 711/QĐ-ĐHNT, ngày 24/7/2014 của Hiệu trưởng Trường ĐHNT	Trường ĐHNT	- Quyết định số 312/QĐ-ĐHNT, ngày 26/3/2015 ban hành CTĐT thạc sĩ - Quyết định số 768/QĐ-ĐHNT, ngày 26/8/2015 ban hành CTĐT thạc sĩ	
4.	Xây dựng CTĐT thạc sĩ quốc tế ngành CNTP	Tham gia	Quyết định số 178/QĐ-ĐHNT, ngày 10/3/2015 của Hiệu trưởng Trường ĐHNT cử đi công tác tại Bỉ	Trường ĐHNT	Quyết định số 1043/QĐ-ĐHNT ngày 14/9/2018 vv ban hành CTĐT trình độ thạc sĩ giảng dạy bằng tiếng Anh ngành CNTP	
5.	Hội đồng cập nhật CTĐT tiến sĩ CNCBTS và CNSTH	Tham gia (Thư ký)	Quyết định số 479/QĐ-ĐHNT, ngày 20/5/2015 của Hiệu trưởng Trường ĐHNT	Trường ĐHNT	- Quyết định số 277/QĐ-ĐHNT, ngày 04/04/2016 ban hành CTĐT tiến sĩ - Quyết định số 658/QĐ-ĐHNT, ngày 20/7/2017 điều chỉnh Quyết định số	

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
					277/QĐ-ĐHNT ngày 04/04/2016	
6.	Tổ cập nhật CTĐT trình độ đại học, cao đẳng ngành CNTP, CNCBTS và CNSTH	Tham gia (Thư ký)	Quyết định số 65/QĐ-ĐHNT, ngày 22/01/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐHNT	Trường ĐHNT	Quyết định số 1177/QĐ-ĐHNT, ngày 30/12/2016 ban hành CTĐT	
7.	- Hội đồng xây dựng hồ sơ mở ngành đào tạo tiến sĩ CNTP - Hội đồng thẩm định CTĐT tiến sĩ ngành CNTP	Tham gia (Thư ký)	- Quyết định số 123/QĐ-ĐHNT, ngày 01/03/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐHNT - Quyết định số 1231/QĐ-ĐHNT, ngày 30/11/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHNT	Bộ GD&ĐT Trường ĐHNT	- Quyết định số 2506/QĐ-BGDĐT, ngày 01/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc cho phép Trường ĐHNT đào tạo trình độ tiến sĩ ngành CNTP - Quyết định số 1204/QĐ-ĐHNT, ngày 01/10/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHNT	
8.	Hội đồng tự đánh giá CTĐT đại học ngành CNCBTS	Tham gia (Ủy viên Hội đồng, Trưởng ban thư ký)	- Quyết định thành lập Hội đồng số 926/QĐ-ĐHNT, ngày 31/10/2016 và Quyết định kiện toàn Hội đồng số 156/QĐ-ĐHNT, ngày 06/3/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHNT	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh	- Quyết định số 13/QĐ-TTKĐ, ngày 27/4/2020 về việc cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cấp CTĐT trình độ đại học ngành CNCBTS thuộc Trường ĐHNT - Giấy chứng nhận số 032/CEAHCM-CT, ngày 27/4/2020	

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
9.	Hội đồng cấp nhật CTĐT thạc sĩ ngành CNTP, CNSTH và CNCBTS	Tham gia (Thư ký)	Quyết định số 1083/QĐ-ĐHNT, ngày 30/10/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHNT	Trường ĐHNT	Quyết định ban hành các CTĐT thạc sĩ số 1139/QĐ-ĐHNT ngày 24/9/2018	
10.	Hội đồng khoa học và đào tạo cấp Ngành nhiệm kỳ 2011-2016	Tham gia (Thư ký)	Quyết định số 1629/QĐ-ĐHNT, ngày 05/12/2011 của Hiệu trưởng Trường ĐHNT về việc thành lập Hội đồng khoa học và đào tạo cấp Ngành theo nhiệm kỳ Hiệu trưởng 2011-2016			Hội đồng tư vấn cho trưởng khoa về mục tiêu, chương trình, kế hoạch phát triển đào tạo-khoa học công nghệ và xây dựng đội ngũ giảng viên của đơn vị
11.	Hội đồng khoa nhiệm kỳ 2016-2021	Tham gia (Thư ký)	Quyết định số 46/QĐ-ĐHNT, ngày 22/01/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHNT về việc thành lập Hội đồng khoa nhiệm kỳ 2016-2021 (Đợt 1)			

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khánh Hoà, ngày 30 tháng 7 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mai Thị Tuyết Nga